

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

Lê Đình Hải¹

TÓM TẮT

Sự hài lòng của các thành viên đối với hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) là một trong những nhân tố quyết định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) cũng như sự phát triển của các HTXNN. Trong nghiên cứu này, đã khảo sát 251 thành viên HTXNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) đã chỉ ra 7 nhóm nhân tố lần lượt là: (1) Sự hài lòng đối với đội ngũ quản lý; (2) Liên kết bên ngoài; (3) Cung cấp dịch vụ và thông tin; (4) Tỷ lệ chia lợi nhuận; (5) Tự nguyện, tự chủ; (6) Thu nhập và việc làm; và (7) Liên kết nội bộ, có ảnh hưởng một cách đáng kể đến sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở cho việc đề xuất 6 giải pháp góp phần nâng cao sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trong thời gian tới, bao gồm: (1) Nâng cao sự hài lòng của thành viên đối với đội ngũ quản lý HTXNN; (2) Cải thiện các mối liên kết với các đối tác bên ngoài; (3) Mở rộng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và thông tin; (4) Thực hiện quy chế tài chính nội bộ công bằng, minh bạch, công khai, kiểm toán độc lập; (5) Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các HTXNN; và (6) Chú trọng xây dựng phương án SXKD.

Từ khóa: Sự hài lòng, thành viên hợp tác xã nông nghiệp, nhân tố ảnh hưởng, tỉnh Hòa Bình, phân tích nhân tố khám phá (EFA).

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã (HTX) là một trong bốn thành phần kinh tế quan trọng trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Hiện nay, các hợp tác xã nông nghiệp đang có xu hướng xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực của địa phương, mô hình liên kết giữa hộ nông dân - HTX - doanh nghiệp, ngày càng thể hiện vai trò tích cực trong kinh tế nông nghiệp, nông thôn cũng như thực hiện việc tổ chức sản xuất nông nghiệp phục vụ tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới. Với sự phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, đến nay khu vực kinh tế tập thể đã xuất hiện nhiều loại hình HTX kiểu mới hoạt động hiệu quả; từng bước khẳng định vị trí, vai trò trong nền kinh tế quốc dân. Theo Liên minh HTX Việt Nam - VCA (2021a), đến cuối năm 2020, cả nước có 26.040 HTX, thu hút hơn 8,1 triệu thành viên, trong đó HTXNN chiếm tới 64%. Khu vực kinh tế tập thể, HTX đóng góp trực tiếp khoảng 4,8% GDP cả nước và gián tiếp hơn 30% GDP thông qua giá trị gia tăng của kinh tế hộ thành viên.

Theo thống kê năm 2020, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có 387 HTX đang hoạt động, gồm: 284 HTXNN, chiếm 73,4%; còn lại là HTX công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, vận tải và quỹ tín dụng nhân dân (VCA, 2021b). Với tỷ trọng lớn, các HTXNN hiện nay vẫn là đầu tàu trong khối kinh tế hợp tác trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, so với sự phát triển của khu vực kinh tế tập thể, HTX vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, còn tồn tại nhiều hạn chế về cơ chế, chính sách, tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước cũng như hạn chế trong nội tại các HTX. Nhận thức của những thành viên trong bộ máy quản lý của HTX về kinh tế tập thể, HTX chưa đầy đủ, chưa hiểu đúng vai trò bản chất của HTX trong tình hình hiện nay; từ đó việc phát triển HTX tại nhiều tỉnh, đặc biệt là miền núi phía Bắc trong đó có tỉnh Hòa Bình vẫn còn rất lúng túng, quá trình chuyển đổi diễn ra chậm chạp.

Sự hài lòng của thành viên HTXNN có vai trò quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mọi HTXNN. Việc nghiên cứu, xác định được những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của thành viên HTXNN giúp HTXNN nâng cao hiệu quả kinh doanh; đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, xây dựng nông thôn mới, tạo việc làm, xóa

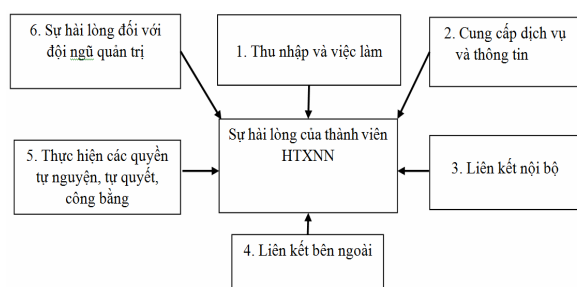
¹ Khoa Kinh tế Phát triển, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: haild.ueb@vnu.edu.vn

đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội. Chính vì vậy, việc nghiên cứu các nhân tố tác động đến sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của HTXNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình là rất cấp thiết.

2. MÔ HÌNH LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mô hình lý thuyết về các yếu tố tiềm năng ảnh hưởng đến sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN

Dựa trên cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của các công trình nghiên cứu trước đây của Phan Thị Hà Châm (2013), Mai Thị Nghĩa (2011), Võ Thị Kim Sa (2012), Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011) và Luật HTX năm 2012, nghiên cứu đã xây dựng được mô hình lý thuyết về các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN với nội dung và các biến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh Hòa Bình, với biến phụ thuộc là sự hài lòng chung của thành viên đối với HTX và 6 biến độc lập (6 nhóm nhân tố ảnh hưởng) bao gồm (Hình 1).



Hình 1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

- *Dung lượng mẫu chính thức:* Phương pháp phân tích dữ liệu chính được sử dụng cho nghiên cứu này là phân tích nhân tố khám phá. Để đạt được ước lượng tin cậy cho phương pháp này, mẫu thường phải có kích thước đủ lớn. Theo Hair et al. (2010), với tối thiểu là 5 quan sát cho một tham số ước lượng, mô hình lý thuyết có 35 tham số cần ước lượng. Mô hình nghiên cứu đa nhóm này có 35 tham số cần ước lượng thì dung lượng mẫu tối thiểu là: $n \geq 5 \times 35 = 175$; trong nghiên cứu này dung lượng mẫu được chọn là 251 thành viên HTXNN đảm bảo yêu cầu đặt ra. Phần mềm IBM SPSS 23.0 được sử dụng cho việc xử lý số liệu thống kê thu thập được.

Bảng 1. Dung lượng mẫu

STT	Huyện/thành phố	Số thành viên	Số mẫu
1	Cao Phong		60
-	HTXNN và Dịch vụ Phúc Linh	32	30
-	HTXNN & KDTH Cao Phong	30	30
2	Kim Bôi		60
-	HTX DVNN Sơn Thủy	41	34
-	HTXNN & TM Mường Động	26	26
3	Lương Sơn		60
-	HTXNN Hữu cơ Trại Hòa	61	60
4	TP Hòa Bình		71
-	HTXNN Bán Dao	86	71
	Tổng		251

Bảng 2. Đặc điểm của mẫu khảo sát

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
Giới tính	251	100
Nam	113	45
Nữ	138	55
Độ tuổi	251	100
Từ 20 đến 30	18	7
Từ 31 đến 40	103	41
Từ 41 đến 50	105	42
Trên 50	25	10
Trình độ học vấn	251	100
Tiểu học	15	6
THCS	73	29
THPT	153	61
Đại học	5	2
Sau đại học	5	2

- *Phương pháp chọn mẫu:* Nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo huyện/thành phố trực thuộc tỉnh. Để đảm bảo mẫu khảo sát có tính đại diện cho các HTXNN đang hoạt động theo mô hình HTX kiểu mới của Luật HTX năm 2012 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, đã căn cứ vào đặc điểm của địa bàn nghiên cứu và tham khảo ý kiến của cán bộ Liên minh HTX tỉnh Hòa Bình, 251 mẫu phù hợp với số lượng biến quan sát được lựa chọn từ 6 HTXNN thuộc 3 huyện (Cao Phong, Kim Bôi,

Lương Sơn) và 1 thành phố trực thuộc tỉnh (TP. Hòa Bình). Cơ cấu và dung lượng mẫu nghiên cứu được trình bày tại bảng 1 và đặc điểm của mẫu khảo sát được trình bày ở bảng 2.

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu chính thức được thực hiện bằng phương pháp định lượng thông qua phát bảng hỏi với dung lượng mẫu khảo sát là 251 thành viên HTXHNN. Để khảo sát ý kiến của thành viên

HTXNN, nghiên cứu sử dụng thang đo Likert với 5 mức độ: (1) Rất không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Phân vân; (4) Đồng ý; (5) Rất đồng ý. Mô hình phân tích bao gồm 6 nhóm nhân tố tiềm năng (với tổng số 35 biến quan sát) ảnh hưởng đến sự hài lòng của thành viên HTXNN; và 1 biến phụ thuộc đại diện cho hài lòng chung của thành viên đối với HTXNN (với 3 biến quan sát) (Bảng 3).

Bảng 3. Mã hóa thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của thành viên HTXNN

TT	Các thang đo	Nguồn tham khảo	Mã hóa
I. Thu nhập và việc làm			TN
01	HTX giúp tạo ra rất nhiều cơ hội tăng thu nhập	Mai Thị Nghia (2011)	TN1
02	Thu nhập từ lao động, sản xuất cao hơn trước khi gia nhập HTX	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	TN2
03	HTX giúp người lao động có nhiều việc làm hơn	Mai Thị Nghia (2011)	TN3
04	Những người góp vốn vào HTX thì có thu nhập tốt hơn đầu tư những việc khác	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	TN4
II. Cung cấp dịch vụ và thông tin			DV
05	HTX giúp bán sản phẩm dễ dàng hơn rất nhiều	Mai Thị Nghia (2011)	DV1
06	HTX giúp bán sản phẩm với giá tốt hơn nhiều	Mai Thị Nghia (2011)	DV2
07	HTX giúp mua, thuê những dịch vụ phục vụ sản xuất dễ hơn	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	DV3
08	HTX giúp mua, thuê những dịch vụ phục vụ sản xuất rẻ hơn	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	DV4
09	Thành viên tham gia vì HTX có nhiều thông tin thị trường và sản xuất hơn	Mai Thị Nghia (2011)	DV5
10	Thành viên tham gia vì HTX có khả năng đào tạo nghề, chuyển giao thương hiệu/công nghệ hơn	Mai Thị Nghia (2011)	DV6
III. Liên kết nội bộ			NB
11	Đội ngũ quản trị HTX là những người rất phù hợp để đại diện cho thành viên	Mai Thị Nghia (2011)	NB1
12	Lợi ích của người làm công, người góp vốn và thành viên không xung đột nhau	Mai Thị Nghia (2011)	NB2
13	Ban kiểm soát HTX là những người rất phù hợp để đại diện cho thành viên	Mai Thị Nghia (2011)	NB3
14	Khi HTX khó khăn, tất cả các thành viên đều tham gia giải quyết	Mai Thị Nghia (2011)	NB4
15	Thành viên cảm thấy có tinh thần tự nguyện giúp đỡ thành viên khác khi họ gặp khó khăn	Mai Thị Nghia (2011)	NB5
16	Mọi công việc đều được thảo luận dân chủ	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	NB6
IV. Liên kết bên ngoài			BN
17	HTX rất tốt trong việc thu hút lao động không phải là thành viên	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	BN1
18	HTX có mối quan hệ rất tốt với chính quyền địa phương trong mọi	Nguyễn Minh Ngọc &	BN2

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	công việc	cs (2011)	
19	HTX được thụ hưởng nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ.	Mai Thị Nghia (2011)	BN3
20	HTX được chính quyền cung cấp thêm nhiều thông tin trong và ngoài nước	Mai Thị Nghia (2011)	BN4
21	Khi ông/bà gặp khó khăn các đối tác của HTX sẽ giúp đỡ	Mai Thị Nghia (2011)	BN5
22	Khi HTX gặp khó khăn, các đối tác sẽ giúp đỡ	Mai Thị Nghia (2011)	BN6
23	Tham gia vì HTX có thể đảm bảo ngân hàng khi vay vốn	Mai Thị Nghia (2011)	BN7
V. Thực hiện các quyền tự nguyện, tự quyết, công bằng			CB
24	Thành viên rất thoải mái và tự nguyện trong gia nhập và rút lui khỏi HTX	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	CB1
25	HTX tự chủ hoàn toàn, không phụ thuộc vào ai	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	CB2
26	Người góp vốn được chia lợi nhuận rất công bằng	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	CB3
27	Người lao động được thuê với giá rất phù hợp	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	CB4
28	Thành viên sử dụng dịch vụ/hàng hóa của HTX được chia lợi nhuận rất công bằng	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	CB5
VI. Sự hài lòng đối với ban quản lý			QL
29	Rất tin cậy ban quản lý HTX	Mai Thị Nghia (2011)	QL1
30	Cho rằng cán bộ HTX rất có trách nhiệm với thành viên	Mai Thị Nghia (2011)	QL2
31	Cho rằng cán bộ HTX quản lý rất tốt tất cả hoạt động	Mai Thị Nghia (2011)	QL3
32	Cho rằng cán bộ quản lý rất minh bạch về chi tiêu, đóng góp, sử dụng hàng hóa, dịch vụ	Mai Thị Nghia (2011)	QL4
33	Cho rằng cán bộ quản lý thường xuyên học hỏi, nâng cao trình độ	Mai Thị Nghia (2011)	QL5
34	Cho rằng trình độ cán bộ hiện nay là tốt	Mai Thị Nghia (2011)	QL6
35	Cho rằng cán bộ quản lý luôn lắng nghe ý kiến của thành viên	Mai Thị Nghia (2011)	QL7
VII. Sự hài lòng chung			HL
36	Có ý định gắn kết lâu dài với HTX	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	HL1
37	Hài lòng với cuộc sống hiện tại với những thay đổi HTX mang lại	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	HL2
38	Chắc chắn giới thiệu người thân, bạn bè tham gia HTX	Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011)	HL3

- Thông tin thứ cấp được thu thập về: thực trạng phát triển HTXNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tham khảo ý kiến của các chuyên gia về HTXNN, cán bộ Liên minh HTX tỉnh Hòa Bình.

2.2.3. Phương pháp tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu

Nghiên cứu sử dụng phần mềm IBM SPSS Statistics 23 cho việc áp dụng phân tích nhân tố khám phá để xác định các nhân tố ảnh hưởng chủ

yếu đến sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Kết quả của phân tích nhân tố khám phá làm cơ sở cho việc đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN trên địa bàn nghiên cứu.

Bước 1: Đánh giá chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Để đánh giá sơ bộ thang đo ta đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha. Theo Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang (2007) các biến có hệ số tương quan biến - tổng

(corrected item - total correlation) nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại và tiêu chuẩn chọn thang đo khi nó có độ tin cậy Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005). Vì vậy, đối với nghiên cứu này thì các biến có hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total correlation) nhỏ hơn 0,3 và thành phần thang đo có hệ số Cronbach's Alpha nhỏ hơn 0,6 được xem xét loại khỏi mô hình.

Bước 2: Phân tích nhân tố khám phá EFA

Phân tích nhân tố khám phá EFA được sử dụng để xác định giá trị hội tụ, giá trị phân biệt và thu gọn các tham số ước lượng cho các nhóm biến. Kiểm định Barlett được dùng để xem xét ma trận tương quan có phải là ma trận đơn vị hay không. Kiểm định Barlett có ý nghĩa thống kê khi Sig.<0,05; chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể. Phương pháp này chỉ được sử dụng khi hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) có giá trị từ 0,5 trở lên. Nếu KMO < 0,5 thì phân tích nhân tố không thích hợp với dữ liệu (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005). Trong bước này các biến có hệ số tải nhân tố (factor loading) nhỏ hơn 0,5 sẽ tiếp tục bị loại.

Phương pháp trích hệ số sử dụng là phương pháp trích nhân tố Principal Component với phép quay Varimax, điểm dừng khi trích các yếu tố có Eigenvalue lớn hơn hoặc bằng 1. Thang đo được chấp nhận khi tổng phương sai trích bằng hoặc lớn hơn 50% (Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang, 2007). Sau khi loại các biến không phù hợp, được tiến hành để kiểm tra lại độ phù hợp của các biến, đồng thời kiểm định Cronbach's Alpha được

thực hiện lại trên các nhóm biến có sự hiệu chỉnh để khẳng định lại độ tin cậy của thang đo.

Bước 3: Phân tích hồi quy và kiểm định giả thuyết

Các thang đo được đánh giá đạt yêu cầu được đưa vào phân tích tương quan và phân tích hồi quy để kiểm định các giả thuyết. Theo Cooper và Schindler (2006), hồi quy tuyến tính bội thường được dùng để kiểm định và giải thích lý thuyết nhân quả. Để đảm bảo mô hình hồi quy phù hợp sẽ tiến hành kiểm định các khuyết tật của mô hình: hiện tượng đa cộng tuyến thông qua hệ số phương sai phóng đại VIF; phương sai của phần dư không đổi (đồ thị phân tán Scatterplot); các phần dư có phân phối chuẩn (Biểu đồ tần suất Histogram và P-P plot); không có hiện tượng tương quan giữa các phần dư (kiểm định Durbin-Watson).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kiểm định chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha

Qua kết quả kiểm định chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha ở bảng 4 cho thấy, hệ số Cronbach Alpha của tổng thể các nhóm nhân tố đều lớn hơn 0,6. Như vậy mô hình phân tích nhân tố khám phá được xây dựng với 6 nhóm nhân tố (biến độc lập) và 1 biến phụ thuộc (hài lòng chung) đảm bảo chất lượng thang đo tốt với 31 biến số đặc trưng (loại 7 biến quan sát không đảm bảo chất lượng thang đo bao gồm: DV3, DV5, NB1, NB3, BN1, BN7, CB4).

Bảng 4. Tổng hợp kết quả phân tích chất lượng thang đo bằng hệ số Cronbach Alpha

STT	Nhân tố	Biến đặc trưng đảm bảo chất lượng thang đo	Số biến quan sát	Cronbach Alpha
	<i>Biến độc lập</i>			
1	Thu nhập và việc làm (TN)	TN1, TN2, TN3, TN4	4	0,750
2	Cung cấp dịch vụ và thông tin	DV1, DV2, DV4, DV6	4	0,757
3	Liên kết nội bộ	NB2, NB4, NB5, NB6	4	0,768
4	Liên kết bên ngoài	BN2, BN3, BN4, BN5, BN6	5	0,809
5	Thực hiện các quyền tự nguyện, tự quyết, công bằng	CB1, CB2, CB3, CB5	4	0,618
6	Sự hài lòng đối với ban quản lý	QL1, QL2, QL3, QL4, QL5, QL6, QL7	7	0,837
	<i>Biến phụ thuộc</i>			
7	Hài lòng chung	HL1, HL2, HL3	3	0,879
	Tổng		31	

3.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá

3.2.1. Kiểm định tính thích hợp của phân tích nhân tố khám phá

Bảng 5 cho thấy KMO = 0,756 thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 1$, như vậy phân tích nhân tố khám phá là thích hợp cho dữ liệu thực tế.

Bảng 5. Kiểm định KMO và Bartlett

Thước đo KMO (Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.)		0,756
Bartlett's Test of Sphericity	Giá trị χ^2 (Approx. Chi-Square)	2522,369
	Bậc tự do (df)	378
	Mức ý nghĩa (Sig.)	,000

3.2.2. Kiểm định tương quan của các biến quan sát trong thước đo đại diện

Bảng 5 cho thấy kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa Sig. = 0,000 < 0,05, như vậy các biến quan sát có tương quan với nhau nên mô hình là phù hợp để đưa vào phân tích nhân tố khám phá.

3.2.3. Kết quả của phân tích nhân tố khám phá

Qua kết quả kiểm định chất lượng thang đo và kiểm định của phân tích nhân tố khám phá đã xác định được 7 nhóm nhân tố đưa vào phân tích nhân tố khám phá (Bảng 6). Số nhóm nhân tố tăng lên một nhóm so với mô hình đề xuất ban đầu là do nhóm nhân tố “Thực hiện các quyền tự nguyện, tự quyết,

công bằng” được tách ra làm 2 nhóm và được đặt tên lần lượt là “Tự nguyện, tự chủ” và “Tỷ lệ chia lợi nhuận” tương ứng với nội dung của các biến quan sát.

Bảng 6. Mô hình điều chỉnh qua kiểm định Cronbach Alpha và phân tích nhân tố khám phá

STT	Nhân tố	Biến quan sát đặc trưng	Giải thích nhân tố
<i>Biến độc lập</i>			
1	QL	QL4, QL1, QL6, QL2, QL5, QL3, QL7	Hoạt động của đội ngũ quản trị
2	BN	BN2, BN3, BN4, BN5, BN6	Liên kết bên ngoài
3	NB	NB2, NB4, NB5, NB6	Liên kết nội bộ
4	DV	DV1, DV2, DV4, DV6	Cung cấp dịch vụ và thông tin
5	TN	TN1, TN2, TN3, TN4	Thu nhập và việc làm
6	TC	CB1, CB2	Tự nguyện, tự chủ
7	LN	CB3, CB5	Tỷ lệ chia lợi nhuận
<i>Biến phụ thuộc</i>			
8	HL	HL1, HL2, HL3	Hài lòng chung

3.2.4. Kiểm định mức độ giải thích của các nhân tố

Bảng 7. Giá trị Eigen và phương sai của các nhân tố

Nhân tố	Mô hình khởi tạo			Mô hình điều chỉnh cuối cùng		
	Giá trị Eigen	% phương sai nhân tố	% phương sai tích lũy	Giá trị Eigen	% phương sai nhân tố	% phương sai tích lũy
1	4,482	16,006	16,006	3,735	13,338	13,338
2	3,280	11,713	27,720	2,934	10,480	23,818
3	2,842	10,151	37,870	2,765	9,875	33,693
4	2,341	8,362	46,233	2,412	8,616	42,308
5	2,045	7,305	53,537	2,339	8,355	50,663
6	1,220	4,356	57,893	1,687	6,024	56,687
7	1,199	4,280	62,173	1,536	5,486	62,173
8	,931	3,324	65,497			
...	...	...	...			
28	,162	,578	100,000			

Có 7 nhân tố được trích ra đều có giá trị Eigenvalue lớn hơn 1 và điểm dừng khi trích các nhân tố tại nhân tố thứ 7 có Eigenvalue là 1,1991 > 1. Cột tần suất tích lũy (Cumulative) của bảng 7 cho

biết trị số phương sai trích là 62,173%, điều này có nghĩa là 62,173% thay đổi về sự hài lòng của các thành viên HTXNN được giải thích bởi các nhân tố ảnh hưởng. Từ các phân tích trên, có thể kết luận

rằng phân tích nhân tố khám phá EFA là phù hợp với dữ liệu tổng thể.

3.2.5. Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Để nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến hài lòng của thành viên đối với HTXNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, phương trình mô hình hồi quy tuyến tính đa biến được thể hiện như sau:

$$DLLV = \beta_0 + \beta_1 QL + \beta_2 BN + \beta_3 NB + \beta_4 DV + \beta_5 TN + \beta_6 TC + \beta_7 LN$$

Trong đó, các biến đưa vào phân tích hồi quy được xác định bằng cách tính điểm của các nhân tố (Factor score).

Trong bảng 8, có thể kết luận rằng mô hình hồi quy luôn luôn tồn tại với mức độ tin cậy 99%. Hệ số R^2 hiệu chỉnh đạt giá trị 0,440, điều này có nghĩa là 44% sự thay đổi về sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN được giải thích bởi các biến độc lập trong

mô hình. Như vậy có thể kết luận rằng mô hình đưa ra là phù hợp với dữ liệu thực tế.

Kết quả ở bảng 8 cho thấy hệ số phóng đại phương sai (VIF) đều nhỏ hơn 10, như vậy mô hình hồi quy không có hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số Durbin Watson ($1 < d=1,314 < 3$), như vậy mô hình hồi quy không có hiện tượng tự tương quan. Thông qua biểu đồ phân phối của phần dư Q-Q plot cho thấy phần dư có phân phối chuẩn.

Kiểm tra giả định phương sai của phần dư không đổi: Nếu độ lớn của phần dư tăng hay giảm cùng với giá trị của biến phụ thuộc thì giả định này bị vi phạm. Qua đồ thị Scatter thể hiện mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và phần dư, ta thấy các quan sát phân tán ngẫu nhiên. Như vậy, phần dư và phần biến phụ thuộc không có mối liên hệ hay không có hiện tượng phương sai của phần dư thay đổi.

Bảng 8. Tóm tắt mô hình hồi quy (Model Summary)

Biến độc lập	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa (B)	Giá trị t	Mức ý nghĩa thống kê (Sig.)	VIF	Hệ số hồi quy chuẩn hóa (Beta)	Giá trị tuyệt đối của Beta	Mức độ đóng góp của các biến (%)	Tầm quan trọng của các biến
(Constant)	1,27E ⁻¹⁶	0	1.000					
F1 (QL)	0,394	8,322***	0,000	1,000	0,394	0,394	23,52	1
F2 (BN)	0,305	6,437***	0,0000,006	1,000	0,305	0,305	18,20	2
F3 (NB)	0,131	2,768***	0,000	1,000	0,265	0,131	7,82	7
F4 (DV)	0,265	5,601***	0,004	1,000	0,138	0,265	15,83	3
F5 (TN)	0,138	2,906***	0,000	1,000	0,349	0,138	8,21	6
F6 (TC)	0,178	3,758***	0,000	1,000	0,178	0,178	10,62	5
F7 (LN)	0,264	5,583***	0,000	1,000	0,264	0,264	15,78	4
Tổng						1,674	100,0	
Biến số phụ thuộc: HL – Sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN								
Dung lượng mẫu quan sát				251				
F				29,066***				
Hệ số R^2				0,456				
Hệ số R^2 hiệu chỉnh				0,440				
Durbin Watson				1,314				

*Ghi chú: *** Mức ý nghĩa <0,01, ** Mức ý nghĩa <0,05; * Mức ý nghĩa <0,10 (Kiểm định 2 phía)*

Cột mức ý nghĩa thống kê (cột Sig.) ở bảng 8 cho thấy tất cả các biến đều có mức ý nghĩa thống kê <0,05. Như vậy, tất cả các nhân tố F1 đến F7 đều có

ảnh hưởng đáng kể đến sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN trên địa bàn nghiên cứu với độ tin cậy 95%.

Từ kết quả phân tích ở bảng 8 thu được mô hình hồi quy sau:

$$HL = 1,27E^{-16} + 0,394QL + 0,305BN + 0,131NB + 0,265DV + 0,138TN + 0,178TC + 0,264LN$$

3.2.6. Thảo luận kết quả của mô hình hồi quy

Các biến QL, BN, CB, NB, DV, TN, TC và LN đều có quan hệ cùng chiều với biến sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN (HL). Mức độ ảnh hưởng của các biến số độc lập được xác định thông qua hệ số hồi quy chuẩn hóa (β). Các hệ số hồi quy đã chuẩn hóa có thể chuyển đổi dưới dạng tỷ lệ phần trăm được thể hiện trong bảng 8 và cho thấy thứ tự tầm quan trọng của các nhân tố ảnh hưởng sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN như sau: cao nhất là “Sự hài lòng đối với đội ngũ quản lý”; tiếp đến là “Liên kết bên ngoài”; “Cung cấp dịch vụ và thông tin”; “Tỷ lệ chia lợi nhuận”; “Tự nguyện, tự chủ”; “Thu nhập và việc làm”; và thấp nhất là “Liên kết nội bộ”.

3.3. Gợi mở các giải pháp

3.3.1. Nâng cao sự hài lòng của thành viên đối với đội ngũ quản lý HTXNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Nhân tố này được xếp hạng cao nhất theo quan điểm của thành viên HTXNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Đội ngũ quản trị, dù trong hình thức doanh nghiệp hay liên kết nào cũng là đầu tàu, nơi những thành viên, cấp dưới đặt niềm tin. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy sự hài lòng của thành viên HTXNN phụ thuộc phần lớn vào trình độ cũng như niềm tin, kỳ vọng của họ vào đội ngũ quản trị. Như vậy việc nâng cao trình độ và tạo niềm tin vào đội ngũ này là cần thiết và phải được thực hiện như một biện pháp quan trọng nhất để phát triển được các HTXNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình nói riêng cũng như cả nước nói chung.

3.3.2. Cải thiện các mối liên kết với các đối tác bên ngoài

Mối liên kết với các đối tác bên ngoài là nhân tố quan trọng thứ hai ảnh hưởng đến hài lòng của thành viên đối với HTXNN. Việc cải thiện các mối liên kết đối với các đối tác bên ngoài cần được coi trọng và được xây dựng từ vị thế của chính HTX, một HTX mạnh, có số lượng thành viên đông đảo, kết quả kinh doanh tốt, định hướng khả thi sẽ tạo ra được niềm tin của các đối tác bên ngoài. Tuy vậy, các HTX mới

thành lập sẽ phải chủ động hơn rất nhiều để tạo được mối liên kết chặt chẽ với các đối tác bên ngoài như: xây dựng hình ảnh, thương hiệu cung cấp thông tin của HTX đến với đông đảo các đối tác trong và ngoài nước, các đơn vị tín dụng, chính quyền địa phương bằng các hình thức, phương tiện hiện có và phát triển trong tương lai; tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại; xây dựng và phát triển các Liên minh HTX.

3.3.3. Mở rộng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và thông tin

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự hài lòng của thành viên đối với HTX phụ thuộc vào chất lượng cung cấp dịch vụ và thông tin; vì vậy, việc nâng cao chất lượng của hoạt động này cũng là một yếu tố làm cho thành viên hài lòng hơn đối với HTXNN. Việc cung cấp dịch vụ và thông tin chủ yếu được điều hành bởi đội ngũ quản trị HTXNN theo phân công nhiệm vụ đã đề ra. Quá trình nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và thông tin không thể diễn ra trong thời gian ngắn mà cần thiết phải có quá trình dài lâu. Quá trình này gắn liền với các hoạt động khác liên quan đến sự cải thiện các liên kết bên ngoài và cải thiện trình độ của đội ngũ quản trị do vậy cần thường xuyên quan tâm đến vấn đề kiểm soát chất lượng dịch vụ.

3.3.4. Thực hiện qui chế tài chính nội bộ công bằng, minh bạch, công khai, kiểm toán độc lập

Kinh nghiệm hoạt động và những bài học trong quá khứ về phát triển HTX cho thấy tài chính nội bộ là một trong những nội dung hoạt động của HTX dễ nảy sinh ra những tiêu cực, từ đó ảnh hưởng lớn đến sự tồn tại và niềm tin của thành viên đối với đội ngũ quản trị HTX. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc phân chia lợi nhuận công bằng cũng là một yếu tố ảnh hưởng khá lớn đến sự hài lòng của thành viên đối với HTX. Vì vậy, việc thảo luận xây dựng quy chế về tài chính nội bộ bao gồm các nguyên tắc phân chia lãi, lỗ, công tác quản lý tài chính, tài sản là hết sức cần thiết. Nếu thực hiện được những nội dung nêu trên, có thể đảm bảo rằng công tác quản lý tài chính của HTX được công khai, minh bạch, công bằng, đó là cơ sở để giảm thiểu triệt để những tiêu cực trong hoạt động này. Từ đó giúp cho thành viên HTX tin tưởng hơn vào hoạt động của HTX.

3.3.5. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các HTXNN

Trên thị trường, việc cạnh tranh giữa các HTX, doanh nghiệp là những hoạt động bình thường trong kinh doanh. Tuy nhiên, thực tế hiện nay các HTX chưa thật sự cạnh tranh công bằng với các doanh nghiệp do những đặc thù riêng như HTX là một tổ chức kinh tế mang tính xã hội, số lượng thành viên đông, cơ chế bình đẳng thông qua các phiếu bầu,... điều này cũng tạo ra những bất lợi trong cạnh tranh trên thị trường. Thêm vào đó, do năng lực của ban lãnh đạo còn nhiều hạn chế nên một số HTX hiện nay đang hoạt động chưa đúng theo Luật HTX năm 2012 và các văn bản liên quan. Vì vậy Liên minh HTX Việt Nam, cùng với các cơ quan chức năng cần có các biện pháp tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ để các HTX hoạt động theo đúng tinh thần Luật và các văn bản có liên quan. Ngoài ra, cần có sự phân loại khó khăn của các HTX để có biện pháp hỗ trợ cụ thể cho từng nhóm HTX nhằm đem lại hiệu quả cao hơn.

3.3.6. Chú trọng xây dựng phương án SXKD

Điểm yếu của nhiều HTXNN là việc sản xuất vẫn theo cảm tính, tư duy sản xuất chưa có tính kế hoạch, thiếu kết nối giữa HTX và đầu ra sản phẩm dẫn đến tình trạng các hộ nông dân liên tục bán tháo sản phẩm. Tình trạng nông sản được mùa mất giá, cung vượt quá cầu đã liên tục diễn ra trong nhiều năm qua. Để tạo được sự ổn định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh đòi hỏi HTX phải có kế hoạch SXKD trong dài hạn và ngắn hạn, các dịch vụ cung cấp phải được ổn định. Tất cả những vấn đề này cần thiết phải có được một đội ngũ tham mưu về Marketing cho HTX, đưa HTX phát triển theo những tư duy về kinh tế bài bản hơn.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã khảo sát bằng bảng hỏi cho 251 thành viên HTXNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình kết hợp với việc sử dụng mô hình phân tích nhân tố khám phá đã xác định được 7 nhóm nhân tố ảnh hưởng đáng kể đến hài lòng của thành viên đối với HTXNN, theo thứ tự tầm quan trọng là: (1) Sự hài lòng đối với đội ngũ quản lý; (2) Liên kết bên ngoài; (3) Cung cấp dịch vụ và thông tin; (4) Tỷ lệ chia lợi nhuận; (5) Tự nguyện, tự chủ; (6) Thu nhập và việc làm; và (7) Liên kết nội bộ. Trên cơ sở các nhân tố ảnh hưởng, một số giải pháp cũng đã được đề xuất nhằm nâng cao sự hài lòng của thành viên đối với HTXNN theo thứ tự ưu tiên của các giải pháp theo

mức độ ảnh hưởng của các nhân tố. Những giải pháp này có thể góp phần hỗ trợ cho việc thực hiện các chính sách, chiến lược phát triển của kinh tế tập thể và kinh tế HTX trên địa bàn nghiên cứu trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thị Hà Châm (2013). Nghiên cứu vai trò của hợp tác xã đối với các thành viên - Tiếp cận từ phía thành viên Hợp tác xã Dịch vụ tổng hợp Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội". Khóa luận tốt nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
2. Cooper, D.R. & P.S. Schindler (2006). *Business Research Methods*. NXB McGraw-Hill Irwin.
3. Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., Anderson, R. E. (2010). *Multivariate data analysis*. Prentice Hall, Upper Saddle River, NJ.
4. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam - VCA (2021a). Nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã. Truy cập từ <https://vca.org.vn/nang-cao-hieu-qua-kinh-te-tap-the-hop-tac-xa-a22675.html>.
5. Liên Hợp tác xã Việt Nam - VCA (2021b). Chủ tịch Nguyễn Ngọc Bảo tham dự Đại hội Liên minh HTX tỉnh Hòa Bình, nhiệm kỳ 2020- 2025. Truy cập từ <https://vca.org.vn/chu-tich-nguyen-ngoc-bao-tham-du-dai-hoi-lien-minh-htx-tinh-hoa-binh-nhiem-ky-2020-2025-a21585.html>
6. Mai Thị Nghĩa (2011). Đánh giá sự hài lòng của thành viên đối với hợp tác xã nông nghiệp: trường hợp tỉnh Bến Tre. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Minh Ngọc & cs (2011). Sự phát triển của hợp tác xã và vai trò của hợp tác xã đối với an sinh xã hội. Văn phòng Quốc hội và UNDP.
8. Võ Thị Kim Sa (2012). Vai trò kép của hợp tác xã và vị trí của nó trong không gian xã hội. Xã hội học, số 3 (119). pp. 70-82.
9. Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang (2007). *Nghiên cứu khoa học marketing - ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM trong quản trị kinh doanh*. Nxb. Đại học Quốc gia TP.HCM.
10. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nxb. Thống kê, Hà Nội.

**STUDY ON FACTORS INFLUENCING MEMBERS' SATISFACTION FOR AGRICULTURAL
COOPERATIVES IN HOA BINH PROVINCE**

Le Dinh Hai¹

¹Faculty of Development Economics, VNU University of Economics and Business

Summary

Members' satisfaction with cooperatives is one of key factors influencing the efficiency of production and business as well as the development of cooperatives. In this study, we surveyed 251 members of agricultural cooperatives in Hoa Binh province. The results of Exploratory Factor Analysis (EFA) have shown 7 groups of factors, respectively: (1) Satisfaction with the manager's team; (2) External links; (3) Providing services and information; (4) Profit sharing ratio; (5) Voluntary, autonomous; (6) Income and employment; and (7) Internal links, which have a significant influence on members' satisfaction with cooperatives in Hoa Binh province. The study results can serve as a basis for proposing 6 solutions to improve members' satisfaction with agricultural cooperatives in Hoa Binh province in the coming time, including: (1) Improving members' satisfaction towards the manager's team of the cooperative; (2) Improving linkages with external partners; (3) Expanding and improving the quality of service and information provision; (4) Implementing internal financial regulations that are fair, transparent, public, and independently audited; (5) Creating a healthy competitive environment for agricultural cooperatives; and (6) Focusing on the development of business and production plans.

Keywords: *Satisfaction, members of agricultural cooperatives, influencing factors, Hoa Binh province, Exploratory factor analysis (EFA).*

Người phản biện: TS. Dương Ngọc Thái

Ngày nhận bài: 15/7/2021

Ngày thông qua phản biện: 16/8/2021

Ngày duyệt đăng: 23/8/2021